

PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH ĐÁP ỨNG CHUẨN QUỐC GIA CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

PGS.TS. HOÀNG DƯƠNG HÙNG; TS. LÊ THỊ HOÀI THU

Trường Đại học Quảng Bình

Luật Giáo dục đại học được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Một trong những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục đại học là bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Theo đó, trách nhiệm lớn nhất của các cơ sở giáo dục đối với xã hội là đảm bảo chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng là bắt buộc đối với các cơ sở giáo dục đại học để thực hiện quyền tự chủ.

Kiểm định chất lượng giáo dục là cơ hội giúp nhà trường soát xét lại toàn bộ hoạt động của mình một cách có hệ thống, qua đó điều chỉnh các hoạt động theo những chuẩn mực nhất định. Việc phân đấu để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho từng giai đoạn, duy trì và nâng cao các điều kiện đảm bảo chất lượng là trách nhiệm, mang lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với nhà trường, nhất là trong điều kiện hiện nay.

1. Thực trạng của Trường Đại học Quảng Bình

1.1. Về đội ngũ cán bộ giảng viên và quản lý

Tính đến tháng 9 năm 2017 tổng số cán bộ viên chức của Trường Đại học Quảng Bình là 337 (292 người trong biên chế, 45 người hợp đồng) trong đó có 3 phó giáo sư, 38 tiến sĩ, 161 thạc sĩ và hơn 30 người đang làm luận án tiến sĩ; giảng viên cơ hữu có 196 người trong đó có 3 giảng viên cao cấp, 34 giảng viên chính; 30 giảng viên kiêm nhiệm công tác hành chính, 83

cán bộ làm công tác hành chính, 33 cán bộ nhân viên phục vụ. Số cán bộ, giảng viên trẻ (dưới 40 tuổi) chiếm hơn 65%; cán bộ, giảng viên nữ hơn 70%. Bên cạnh giảng viên cơ hữu, nhà trường có nhiều giảng viên thỉnh giảng. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu không quá 22 sinh viên/giảng viên.

Về đội ngũ cán bộ quản lý, toàn trường có 45, người trong đó 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng, 42 trường, phó khoa/phòng/đơn vị trực thuộc. Giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng và cán bộ quản lý cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn của từng vị trí công tác.

1.2. Về chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo

Hiện nay, Trường Đại học Quảng Bình được phép thực hiện 22 chương trình đào tạo trình độ đại học và 29 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng với hai loại hình chủ yếu là chính quy (chương trình đại trà) và vừa làm vừa học. Cơ cấu ngành nghề khá phong phú, đa lĩnh vực, cụ thể như sau:

+ Khối sư phạm: 10 ngành đại học và 14 ngành cao đẳng.

+ Khối nông lâm ngư: 3 ngành đại học và 4 ngành cao đẳng.

+ Khối công nghệ - kỹ thuật: 3 ngành đại học và 4 ngành cao đẳng.

+ Khối kinh tế: 2 ngành đại học và 2 ngành cao đẳng.

+ Các ngành khác: 4 ngành đại học và 5 ngành cao đẳng.

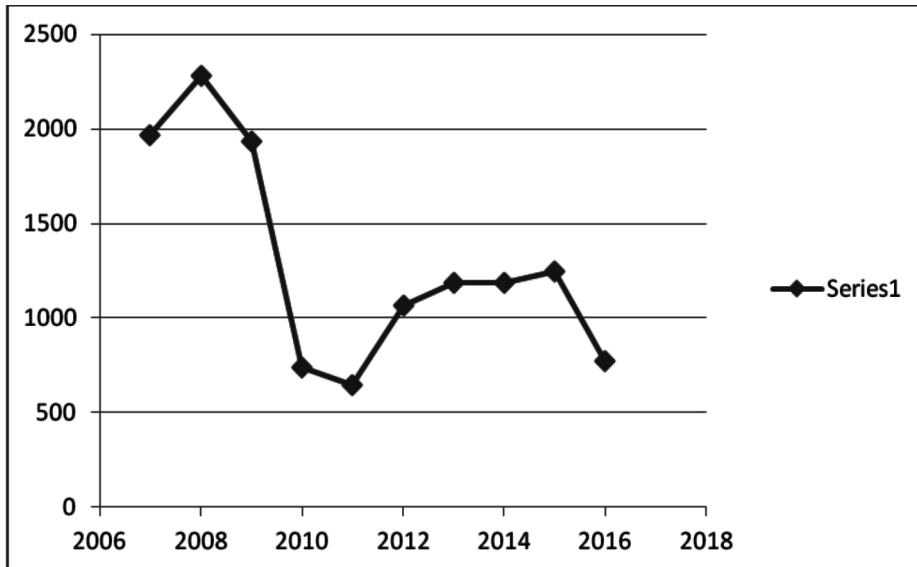
Việc quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ được thực hiện từ năm 2008 đối với các chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục

chính quy và gần đây, năm 2016 áp dụng với cả giáo dục thường xuyên.

Số liệu tuyển sinh (hệ chính quy) từ 2007-2016 như sau:

tăng mạnh (nhất là năm 2008). Cùng với việc quy mô đào tạo vượt quá sức, thời gian này nhà trường để xảy ra một số sai phạm, làm ảnh hưởng đến niềm tin của xã hội đối với trường.

Hình: Biểu đồ số lượng tuyển sinh từ 2007-2016



Số liệu đào tạo từ năm 2007 đến 2016:

Năm học	Tuyển mới	Tổng sinh viên các hệ
2007-2008	1.965/2.010 (97,8%)	6.583
2008-2009	2.284/2.300 (99,3%)	7.189
2009-2010	1.933/2.350 (82,2%)	6.478
2010-2011	741/1.870 (39,6%)	5.951
2011-2012	645/1.200 (53,8%)	4.846
2012-2013	1.064/1.850 (57,5%)	3.984
2013-2014	1.186/2.050 (57,9%)	3.946
2014-2015	1.184/1.750 (73%)	4.500
2015-2016	1.245/2.000 (62,2%)	4.824
2016-2017	776/2.000 (38,8%)	4.249

Từ năm 2007 đến nay, quy mô đào tạo hệ chính quy hàng năm dao động từ 4.000-7.200 sinh viên, hệ vừa làm vừa học khoảng 25-30% hệ chính quy. Phân tích số liệu tuyển sinh và đào tạo 10 năm (từ 2007-2016), ta thấy:

Từ năm 2007 đến 2009, quy mô tuyển sinh

Hậu quả là các năm 2010, 2011 tuyển sinh đạt tỷ lệ thấp. Từ 2012 đến nay, công tác tuyển sinh dần ổn định, tuy nhiên một số ngành vẫn khó tuyển, thậm chí không tuyển được, tập trung chủ yếu ở các ngành năng khiếu, kỹ thuật - công nghệ và nông - lâm - ngư.

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, có thể kể đến một số nguyên nhân chủ quan: một số ngành đào tạo chưa dự báo chính xác nhu cầu dẫn đến mở ngành mà không tuyển được hoặc chỉ tuyển được một vài khóa với số lượng hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu; công tác thực hành, thực tập còn lúng túng, đặc biệt đối với hệ đào tạo kỹ sư, cử nhân; môi trường học tập, nghiên cứu còn nhiều hạn chế; chất lượng đào tạo chưa cao.

1.3. Về khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế

Hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường đạt được một số kết quả nhất định, ngày càng có nhiều hơn sản phẩm khoa học có chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu ứng dụng, nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ còn thấp. Các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu chưa nhiều.

Nhà trường đã ký kết hợp tác với 37 trường đại học ở Thái Lan, Lào, Hàn Quốc, Ba Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Cộng hòa Séc, Đài Loan; thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế; đón tiếp nhiều nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, dự hội thảo, nói chuyện với giảng viên, sinh viên và nhiều đoàn khách quốc tế. Tính đến năm 2016 đã có 289 lưu học sinh Lào và hơn 100 lưu học sinh Thái Lan đến học tập, thực tập tại trường.

1.4. Về cơ sở vật chất và thiết bị

Hệ thống cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của nhà trường ngày một khang trang. Có đủ phòng học cho các hệ đào tạo, phòng làm việc cho các đơn vị. Trung tâm học liệu với thư viện điện tử được xây dựng mới, có đầy đủ các phòng nghiệp vụ, hệ thống sách, giáo trình, tài liệu tham khảo. Hạ tầng công nghệ thông tin, phương tiện dạy học, phần mềm quản lý/giảng dạy hiện đại được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên phòng thí nghiệm, thực hành còn thiếu, đặc biệt là khối ngành kỹ thuật, nông - lâm - thủy sản; trang thiết bị thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học còn quá khiêm tốn. Ngoài văn phòng khoa làm nơi sinh hoạt chung, nhà

trường chưa có phòng làm việc cho giảng viên. Cơ sở 2 chỉ mới có quy hoạch tổng thể, chưa triển khai xây dựng.

1.5. Về tài chính

Trường Đại học Quảng Bình là đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định 43 của Chính phủ, trong đó đánh giá mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên trong những năm gần đây khoảng 25-30%. Sinh viên phần lớn là con em nông dân, chủ yếu đến từ các tỉnh nghèo miền Trung: Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An. Số sinh viên là đối tượng chính sách được miễn hoặc giảm học phí chiếm hơn 45%. Bên cạnh mức thu học phí thấp, kinh phí ngân sách nhà nước tỉnh cấp cho trường hàng năm không dự toán theo số lượng sinh viên (ước tính trung bình 2-2,5 triệu/sinh viên), gây khó khăn trong việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, tài liệu giáo trình, đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy.

1.6. Những điểm mạnh và yếu của Trường Đại học Quảng Bình

- Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các đơn vị, tổ chức với chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng. Số cán bộ giảng viên trẻ chiếm đa số, trong đó nhiều người được đào tạo ở nước ngoài, có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ tốt, có hoài bão, nhiệt huyết, có tư duy đổi mới. Nhà trường có quan hệ hợp tác với một số nhà khoa học, trường đại học và các tổ chức khoa học trong và ngoài nước. Cơ cấu ngành nghề đào tạo khá phong phú, đa lĩnh vực.

- Điểm yếu

Môi trường và điều kiện làm việc, nhất là môi trường và điều kiện nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Mức lương và chính sách đãi ngộ khiêm tốn khiến cho một số người trẻ, có năng lực, có trình độ cao chưa yên tâm gắn bó với trường. Đội ngũ giảng viên một số ngành chỉ mới đạt điều kiện tối thiểu khi mở ngành, việc tổ chức đào tạo cũng như các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyên môn bị hạn chế. Hệ thống tổ chức - quản lý của nhà trường là mô

Tình hình kinh phí các năm 2016, 2017 như sau:

	Năm 2016	Năm 2017
<i>Tổng thu</i>	61,854	56,640
- Từ ngân sách Nhà nước	31,659 (51,2%)	33,425 (59%)
- Từ nguồn thu học phí, lệ phí	8,273 (13,4%)	8,200 (14,5%)
- Từ các nguồn thu khác	6,922 (11,2%)	7,015 (12,4%)
- Xây dựng cơ bản	15,000 (24,2%)	8,000 (14,1%)
<i>Tổng chi thường xuyên</i>	61,854	56,640
- Chi lương, BHXH, phúc lợi	31,414 (50,8%)	32,560 (57,5%)
- Chi giảng dạy	4,380 (7%)	4,600 (8%)
- Chi nghiên cứu khoa học	1,200 (1,9%)	1,200 (2,2%)
- Đầu tư xây dựng cơ bản	15,000 (24,3%)	8,000 (14%)
- Chi mua sắm tài sản, thiết bị	4,520 (7%)	5,600 (9,8%)
- Chi phí quản lý hành chính	0,850	0,850
- Chi phí khác	4,490	3,830

hình các trường công lập, nặng về quản lý hành chính, chưa phát huy được tính tích cực của giảng viên trong các hoạt động. Chương trình đào tạo chậm đổi mới, thiếu các kỹ năng cần thiết, chưa phát huy năng lực thực hành và tính sáng tạo của người học. Mặc dù đã áp dụng học chế tín chỉ từ năm 2008 nhưng về cơ bản chưa phát huy tác dụng nhiều vì sinh viên không được lựa chọn giảng viên, kế hoạch học tập vẫn chung cho mọi sinh viên cùng chuyên ngành. Chất lượng đào tạo chưa cao, chưa có ngành đào tạo sau đại học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành còn thiếu. Năng lực tham gia đấu thầu các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ, cấp Nhà nước còn hạn chế. Số đề tài nghiên cứu được ứng dụng trong thực tế và có sản phẩm được thương mại hóa còn ít. Hiểu biết nghề nghiệp tương lai và kỹ năng của nhiều sinh viên còn hạn chế, chưa có ý thức học tập để lập thân, lập nghiệp. Chất lượng sinh viên đầu vào còn thấp, điểm trúng tuyển nhiều ngành chỉ mới bằng điểm sàn.

1.7. Cơ hội và thách thức

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với các xu thế mới, tri thức mới và những mô hình giáo dục đại học tiên tiến là cơ hội cho các trường

đại học tiếp cận để đổi mới. Sự phát triển của khoa học và công nghệ trong một thế giới phẳng, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang là động lực đòi hỏi các đại học phải tích cực cải cách - đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và đổi mới tổ chức quản lý - nâng cao năng lực và phát triển phù hợp với xu thế của thời đại.

Đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Đảng với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, không chỉ tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy giáo dục và đào tạo, mà còn là cơ hội thúc đẩy đổi mới. Cụ thể là việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để nhà trường đổi mới cơ chế, phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trường Đại học Quảng Bình là trường đại học đầu tiên và duy nhất của tỉnh Quảng Bình đến thời điểm này. Vì vậy, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ nhiều mặt của tỉnh, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu quan ở Trung ương và địa phương. Lợi thế về điều kiện tự nhiên,

môi trường, vị trí địa lý của Quảng Bình cũng mang lại nhiều cơ hội cho nhà trường trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Kinh tế, xã hội của đất nước nói chung và của Quảng Bình nói riêng đang trên đà tăng trưởng và phát triển. Sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đòi hỏi phải phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, có tay nghề, có trình độ chuyên môn cao. Dự báo giai đoạn 2016-2020 tổng số lao động qua đào tạo là 36,8 triệu người, tăng bình quân trên 1,7 triệu người mỗi năm và chiếm 70% trong tổng số lực lượng lao động. Sự phát triển nhanh chóng, sự cạnh tranh và phát triển thương hiệu của các doanh nghiệp đã và đang đặt ra yêu cầu bức bách về nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, số cán bộ đã qua đào tạo đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp đang có nhu cầu được đào tạo lại. Tất cả những vấn đề về nhân lực trong thời gian tới của Quảng Bình cũng như các địa phương phụ cận là cơ hội để nhà trường mở rộng quy mô, ngành nghề và đa dạng hóa loại hình đào tạo.

Đội ngũ các nhà khoa học, trong số đó nhiều người quê Quảng Bình là chuyên gia giỏi thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đang làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu hoặc các công ty lớn ở trong và ngoài nước mong muốn được đóng góp sức mình xây dựng quê hương. Trường Đại học Quảng Bình là địa chỉ thuận lợi để kết nối và là môi trường phù hợp để thu hút sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học. Đây là nguồn chất xám rất quý báu cho sự phát triển, là cơ hội để nhà trường xây dựng đội ngũ, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ về nhiều mặt từ các nhà khoa học.

Sau một thời gian tích cực đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, một số cán bộ có học vị tiến sĩ, trong đó nhiều người được đào tạo ở các nước tiên tiến, có uy tín, có thành tích nghiên cứu khoa học tốt đã về công tác tại trường. Đến nay nhà trường đã có

một đội ngũ cán bộ khoa học các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, kinh tế, luật,... Ngoài ra, Trường Đại học Quảng Bình còn có nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước cùng tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đây là nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển nhà trường.

Trường Đại học Quảng Bình đã tạo dựng được vị thế khiêm tốn trong cộng đồng giáo dục đại học trong nước. Từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 7 năm 2017, theo bảng xếp hạng của Webometric, Trường Đại học Quảng Bình thuộc nhóm 100 trường đại học của Việt Nam. Mặc dù thứ hạng chưa ổn định (16, 70, 75 và gần đây nhất là thứ 93 (tháng 7 năm 2017)) nhưng việc lọt vào top 100 trường đã khẳng định nội lực và chiến lược phát triển của nhà trường là đúng đắn.

Là trường đại học địa phương phát triển theo định hướng ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đi lên từ một trường cao đẳng sư phạm, bên cạnh các cơ hội, Trường Đại học Quảng Bình đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức:

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao; hội nhập quốc tế đòi hỏi nhà trường phải tổng hợp các nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh, trong đó quan trọng nhất là chất lượng đào tạo. Trong điều kiện các nguồn lực còn hạn chế, việc đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của khung trình độ quốc gia, tiến tới được các nước trong khu vực và quốc tế công nhận chứng chỉ, bằng cấp là thách thức lớn đối với nhà trường. Trong nền kinh tế tri thức, ngoài năng lực chuyên môn, người lao động cần có ngoại ngữ tốt, có kiến thức về tổ chức và quản lý, kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, sử dụng thành thạo các công cụ nghe nhìn, có ý thức công dân, am hiểu các nền văn hóa, có kỹ năng làm việc trong môi trường nhiều biến động và học tập suốt đời. Điều này đòi hỏi các trường

đại học tích cực ứng dụng công nghệ, đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, vì chất lượng nguồn nhân lực trở thành yếu tố cạnh tranh chủ yếu của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đặt giáo dục đại học trước những thách thức to lớn. Để không bị tụt hậu, nhà trường phải cải cách mạnh mẽ chương trình, phương pháp đào tạo để sinh viên có khả năng thích nghi với các thách thức và đáp ứng yêu cầu công việc trong thời đại công nghệ phát triển không ngừng. Khi trường đại học không còn là nơi chủ yếu cung cấp kiến thức cho sinh viên thì vai trò, nhiệm vụ của trường đại học phải thay đổi, đó là trường đại học phải xây dựng môi trường cho sinh viên trải nghiệm, phát triển năng lực, kỹ năng. Việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay cũng đang tác động đến chương trình đào tạo của các trường đại học.

Việc mở rộng quy mô, số lượng các trường đại học trong nước; sự có mặt ngày càng nhiều các trường đại học nước ngoài tại Việt Nam cùng với việc nhiều bạn trẻ lựa chọn du học để có bằng cấp quốc tế đang là áp lực buộc các trường đại học phải trang bị cơ sở vật chất, xây dựng môi trường học tập đảm bảo tiêu chuẩn, giá trị bằng cấp đủ sức cạnh tranh. Để thu hút người học, nhà trường phải nâng cao chất lượng, tạo uy tín và thương hiệu. Nếu chậm đổi mới, chất lượng đào tạo không cải thiện, ít đầu tư cho đội ngũ, cơ sở vật chất thì chắc chắn sẽ bị tụt hậu và khó khăn trong tuyển sinh.

Hiện tại, đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ khoảng 18% và mới chỉ có 3 phó giáo sư, còn lại phổ biến là thạc sĩ và một số ít cử nhân; chưa có các chuyên gia đầu ngành; việc hình thành các nhóm nghiên cứu mới ở giai đoạn ban đầu. Một số ngành đào tạo chỉ mới đảm bảo điều kiện tối thiểu về giảng viên theo chuẩn mở ngành. Đặt mục tiêu đến 2020 số giảng viên có trình độ tiến sĩ khoảng 70 người trên quy mô hơn 300 giảng viên thì tỷ lệ này cũng mới

chỉ 23%. Để đảm bảo chất lượng và đủ điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, nhà trường phải nỗ lực rất lớn, nhất là khi quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngày càng yêu cầu cao về đội ngũ. Bên cạnh đó, nhà trường cần phải xây dựng môi trường làm việc và chính sách đãi ngộ thích hợp với đội ngũ có trình độ cao để thu hút người giỏi về công tác và để tránh nguy cơ “chảy máu chất xám”.

Thời gian qua, hàng năm nhà trường mới chỉ đảm bảo cân đối chi thường xuyên, chưa đủ nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo thu nhập tăng thêm cho cán bộ giảng viên. Nguồn thu chủ yếu của nhà trường từ ngân sách nhà nước (do tỉnh cấp) và nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (học phí và các nguồn thu khác). Yêu cầu đối với các hoạt động ngày càng cao, nhu cầu kinh phí ngày càng lớn, đòi hỏi nhà trường phải có nguồn lực tài chính trong khi nguồn hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh còn hạn chế, cạnh tranh trong tuyển sinh ngày một gay gắt, cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập sẽ là những khó khăn đối với nhà trường trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh những thách thức nói trên, những khó khăn và tồn tại trong thời gian qua cũng là thách thức trong thời gian tới. Nếu không đổi mới tư duy, nhận thức, không thay đổi cách thức quản lý thì những thách thức này ngày càng lớn.

Với tầm nhìn chiến lược “Trường Đại học Quảng Bình hướng đến một trường đại học hàng đầu trong các cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng, một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín của khu vực miền Trung; đạt đẳng cấp quốc gia và khu vực”, nhà trường phải nỗ lực không ngừng, tích cực đổi mới, tăng cường cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia, dần tiến tới việc đảm bảo chất lượng theo chuẩn khu vực và quốc tế ■